

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109** /2017/ HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2017
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hải Hưng

2. Bà Lê Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2017/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về việc Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1998;

Địa chỉ cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Cẩm Lài là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh K, sinh năm 1993;

Địa chỉ cư trú: huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị T và anh K kết hôn 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Nguyễn Phích. Sau khi cưới nhau về anh chị sống chung với cha mẹ chồng, gia đình nhà chồng khó khăn trong sinh hoạt thường ngày, anh K thì không quan tâm lo lắng gì đến vợ con nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Thấy không thể có cuộc sống chung và hạnh phúc ngày 01 tháng 8 năm 2017 chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh K. Con chung: Q, sinh ngày 06-01-2017 hiện chị T đang trực tiếp chăm sóc; chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con; chị T yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Chị T, anh K không yêu cầu Tòa án phân chia.

Nợ chung: Chị T, anh K xác định không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Việc vắng mặt bị đơn*: Anh K là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện U Minh triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng anh K không đến và có ý kiến bằng văn bản là từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, đồng ý Tòa án xét xử vắng mặt anh; bà Đỗ Cẩm Lài là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bà Lài vắng mặt, nguyên đơn đồng ý Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lài; theo quy định tại khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K, vắng mặt bà Lài.

[2] *Xét yêu cầu của chị Thúy*: Chị T và anh K kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện, do mâu thuẫn vợ chồng, nay chị T xin ly hôn. Lý do chị xin ly hôn là do mâu thuẫn vợ chồng; Nguyên nhân là do anh K không quan tâm lo lắng chăm sóc gì đến vợ con, trong khi cuộc sống chung gia đình nhà chồng giữa chị T và cha mẹ chồng có phát sinh nhiều bất đồng nhưng không được anh K cùng chia sẻ, cảm thông. Từ những nguyên nhân trên nên chị T và anh K không còn chung sống với nhau, chị T về nhà cha mẹ chị T sinh sống.

Xét thấy chị T yêu cầu ly hôn là do mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, anh chị không thể có cuộc sống chung hạnh phúc và anh chị đã ly thân. Nay chị T xin ly hôn anh K không đồng ý ly hôn nhưng anh K cũng không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Con chung: Q, sinh ngày 06 – 01 – 2017 hiện đang do chị T trực tiếp chăm sóc; chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Yêu cầu này của chị T phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Cấp dưỡng cho con: Chị T yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng; phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời hạn cấp dưỡng cho đến khi Q đủ 18 tuổi. Tại Bản tự khai ngày 19-9-2017 của anh K thể hiện anh K đồng ý cấp dưỡng nhưng không nói rõ mức cấp dưỡng mà anh chấp nhận.

Tại phiên tòa chị T khai: Hiện tại chị là công nhân lột tôm cho xí nghiệp chế biến Thủy sản thu nhập mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng, còn anh K cũng làm thuê nhưng là thợ hồ, mỗi tháng anh K thu nhập khoảng trên 3.000.000 đồng. Hiện tại con còn nhỏ chi phí tiền sữa và ăn dặm cho con rất nhiều nên chị yêu cầu anh K cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, mức cấp dưỡng cho con mà chị T yêu cầu phù hợp với mức trung bình chi phí nuôi một đứa trẻ ở tại địa phương chị T đang sinh sống hiện nay; mức cấp dưỡng này vẫn không vượt quá khả năng thu nhập của anh K, do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Tài sản chung: Anh K, chị T không yêu cầu Tòa án phân chia nên không giải quyết trong vụ án này.

[5] Nợ chung: Anh K, chị T xác định, không.

[6] *Án phí*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Song chị T thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí.

Án phí cấp dưỡng cho con, anh K phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 2 và 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: [1] Hôn nhân: Chị T ly hôn với anh K.

[2] Con chung: Giao Q, sinh ngày 06 – 01 – 2017 cho chị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom Q không ai được cản trở.

Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Q mỗi tháng 1.000.000 đồng; Thời hạn cấp dưỡng từ ngày bản án hiệu lực pháp luật cho đến khi Q đủ 18 tuổi; Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền cấp dưỡng cho con, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[5] Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

Án phí cấp dưỡng cho con anh K phải chịu 300.000 đồng.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Nguyễn Phích;
- VKSND huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án U Minh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Xuân Miến